

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
đã được soát xét*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-27
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09-27

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty Xây dựng số 12 thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam theo Quyết định số 358/QĐ-BXD ngày 31 tháng 03 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101446753 (số cũ: 0103003144) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19, nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Thiết	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Tới	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Ước	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Ủy viên
Ông Đỗ Công Hiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Tới	Giám đốc
Ông Phạm Thành Nhâm	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Ước	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Dũng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Trưởng ban
Ông Bùi Thanh Tùng	Thành viên
Ông Đào Văn Tuyển	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Đình, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hữu Trí
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2011



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

Số: 996/2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Xây dựng số 12*

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 được lập ngày 15 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Ngô Đức Đoàn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2011

Trần Quang Mẫu

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		645.634.887.838	656.046.305.984
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	49.903.748.861	95.336.491.365
111	1. Tiền		8.903.748.861	36.336.491.365
112	2. Các khoản tương đương tiền		41.000.000.000	59.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	300.000.000	800.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		300.000.000	800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		118.622.342.789	113.194.466.965
131	1. Phải thu của khách hàng		113.380.766.847	110.112.537.933
132	2. Trả trước cho người bán		9.091.609.888	7.113.667.305
135	5. Các khoản phải thu khác	5	2.826.030.465	3.361.407.061
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(6.676.064.411)	(7.393.145.334)
140	IV. Hàng tồn kho		440.614.016.341	391.684.593.689
141	1. Hàng tồn kho	6	440.614.016.341	391.684.593.689
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		36.194.779.847	55.030.753.965
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	973.707.659
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	413.766.385	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	35.781.013.462	54.057.046.306
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		43.892.624.902	45.310.012.473
220	II. Tài sản cố định		30.432.389.138	31.928.285.187
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	22.786.640.353	24.282.536.402
222	- Nguyên giá		60.354.498.181	59.216.941.363
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(37.567.857.828)	(34.934.404.961)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	7.645.748.785	7.645.748.785
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		458.286.700	458.286.700
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(458.286.700)	(458.286.700)
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.460.235.764	13.381.727.286
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	13.372.749.941	13.294.241.463
268	3. Tài sản dài hạn khác		87.485.823	87.485.823
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		689.527.512.740	701.356.318.457

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		597.565.093.648	612.624.266.794
310	I. Nợ ngắn hạn		533.784.641.323	569.617.479.549
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	50.909.287.499	94.256.326.625
312	2. Phải trả người bán		53.538.679.768	52.314.621.745
313	3. Người mua trả tiền trước		318.339.073.656	329.602.720.436
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	12.070.402.905	5.120.395.521
315	5. Phải trả người lao động		2.856.190.811	3.540.546.743
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	94.372.176.639	84.559.581.529
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.698.830.045	223.286.950
330	II. Nợ dài hạn		63.780.452.325	43.006.787.245
334	4. Vay và nợ dài hạn	16	5.298.540.000	5.298.540.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		377.710.420	377.710.420
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		686.554.635	686.554.635
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		57.417.647.270	36.643.982.190
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		83.981.301.746	80.933.467.419
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	83.981.301.746	80.933.467.419
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		58.180.000.000	58.180.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.450.293.250	5.450.293.250
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		10.289.159.552	6.958.734.939
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.044.776.221	1.401.524.776
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.017.072.723	8.942.914.454
439	C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ		7.981.117.346	7.798.584.244
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		689.527.512.740	701.356.318.457

Người lập

Vũ Nam Hà

Kế toán trưởng

Trịnh Công Hùng

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Hữu Tới

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	276.964.727.613	235.589.037.048
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		276.964.727.613	235.589.037.048
11	4. Giá vốn hàng bán	19	254.875.285.624	218.289.071.895
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.089.441.989	17.299.965.153
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	3.855.196.452	2.278.310.712
22	7. Chi phí tài chính	21	6.392.828.177	2.877.801.283
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.392.828.177	2.419.514.583
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	8.106.956.321	7.965.537.690
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		11.444.853.943	8.734.936.892
32	12. Chi phí khác		84.963.933	-
40	13. Lợi nhuận khác		(84.963.933)	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.359.890.010	8.734.936.892
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	2.861.213.486	2.183.734.223
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.498.676.524	6.551.202.669
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.246.603.801	948.095.601
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		7.252.072.723	5.603.107.068
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.246	1.868

CHINA
VI
CHINA
VI

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Nam Hà

Trình Công Hùng

Nguyễn Hữu Tới



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12
Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.359.890.010	8.734.936.892
02	Khấu hao tài sản cố định		2.633.452.867	2.482.349.161
03	Các khoản dự phòng		(717.080.923)	1.768.426.756
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.855.196.452)	(2.278.310.712)
06	Chi phí lãi vay		6.392.828.177	2.419.514.583
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.813.893.679	13.126.916.680
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		7.803.695.489	(53.630.014.833)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(48.929.422.652)	38.975.421.618
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		23.964.610.915	(38.798.422.160)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(78.508.478)	311.207.189
13	Tiền lãi vay đã trả		(5.730.631.113)	(2.070.737.194)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(675.698.580)	(968.209.919)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.701.286.396	149.121.521
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(672.568.668)	(15.678.748.219)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh		(4.803.343.012)	(58.583.465.317)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.137.556.818)	(356.321.272)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.855.196.452	2.278.310.712
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.717.639.634	1.921.989.440
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		49.574.751.818	75.080.462.024
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(92.921.790.944)	(37.403.266.956)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(735.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(43.347.039.126)	36.942.195.068
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(45.432.742.504)	(19.719.280.809)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		95.336.491.365	43.549.232.230
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	49.903.748.861	23.829.951.421

Người lập

Vũ Nam Hà

Kế toán trưởng

Trịnh Công Hùng

Giám đốc



Nguyễn Hữu Tới

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty Xây dựng số 12 thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam theo Quyết định số 358/QĐ-BXD ngày 31 tháng 03 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101446753 (số cũ: 0103003144) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19, nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 6 ngày 02/06/2010, vốn điều lệ của Công ty là: 60.000.000.000 VND (Sáu mươi tỷ đồng). Tính đến thời điểm ngày 31/12/2010, vốn thực góp của các cổ đông là: 58.180.000.000 VND (Năm mươi tám tỷ một trăm tám mươi triệu đồng), tương đương 5.818.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Công ty CP Xây dựng số 12 Phía Nam	Tỉnh Ninh Thuận	Xây lắp
- Chi nhánh Công ty CP Xây dựng số 12 - Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Công ty có công ty con được hợp nhất tại thời điểm 30/06/2011 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần xây dựng 504 - Vinaconex (*)	Tp Nam Định	51%	51%	Xây lắp

(*) Công ty Cổ phần xây dựng 504 - Vinaconex (Công ty con) có vốn điều lệ là 10 tỷ đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101446753 (số cũ: 0103003144) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 06 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220KV;
- Xây dựng các công trình thủy lợi;
- Xây dựng đường bộ, cầu, cảng;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu thiết bị xây dựng công nghiệp, nông nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán cho thuê bảo dưỡng, sửa chữa xe máy, thiết bị;
- Sản xuất đàn giáo cấp pha;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

- Kinh doanh và phát triển nhà;
- Khai thác và chế biến các loại cầu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm: đá, cát, sỏi, đất, gạch, ngói, xi măng, tấm lợp, kính, nhựa đường và các loại vật liệu dùng trong xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Lắp đặt các thiết bị: cơ điện, điện lạnh, nước và các thiết bị dùng trong xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước;
- Lắp đặt các loại đường ống công nghệ và áp lực;
- Lắp đặt các loại cầu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị như: Thang máy, điều hòa không khí, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước;
- Xây lắp các công trình thông tin, viễn thông;
- Mua bán, lắp đặt thiết bị điện tử, tin học, viễn thông;
- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải;
- Sản xuất lắp đặt cửa kính khung nhôm;
- Kinh doanh bất động sản;
- Quản lý bất động sản.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

02
CỘNG
HỢP
HỮU
HỢP
CHÍNH
TRỊ
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 07 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 07 năm

153
QUẢN
VẬN
TOẠI
OÀN
17-11

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong năm là: 5,52%.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu Bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích, rủi ro từ những biến động trên thị trường, được ghi nhận theo tỷ lệ chi phí dự toán của công việc xây dựng đã hoàn thành theo tiến độ người mua thanh toán tiền trên tổng chi phí dự toán đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được xác định dựa trên tỷ lệ lãi định mức của phương án kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động thương mại của Công ty là 25%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	844.778.005	841.454.859
Tiền gửi ngân hàng	8.058.970.856	35.495.036.506
Các khoản tương đương tiền (*)	41.000.000.000	59.000.000.000
	<u>49.903.748.861</u>	<u>95.336.491.365</u>

(*) là số dư tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Định với giá trị là 13 tỷ đồng, lãi suất 13,5%-14%/năm; tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nam Định với giá trị là 23 tỷ đồng, lãi suất 13,5%-14%/năm và Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Nam Định với giá trị là 5 tỷ; lãi suất 13,9%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	300.000.000	300.000.000
- Trái phiếu kho bạc	300.000.000	300.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	500.000.000
	<u>300.000.000</u>	<u>800.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	505.418.464	505.418.464
Phải thu về BHXH của CBNV	24.371.263	16.917.563
Phải thu BHXH nộp thừa	39.867.893	
Phải thu về vốn cho mượn	-	1.700.000.000
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	-	250.402.778
Phải thu khác Công ty CP ĐTVT & TM số 9	503.184.213	503.184.213
Phải thu khác	1.753.188.632	385.484.043
	2.826.030.465	3.361.407.061

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.027.299.373	1.662.043.355
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	438.273.516.587	389.430.255.424
Thành phẩm	313.200.381	592.294.910
	440.614.016.341	391.684.593.689

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	318.386.555	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	95.379.830	-
	413.766.385	-

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	35.251.800.372	46.792.583.103
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	529.213.090	7.264.463.203
	35.781.013.462	54.057.046.306

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	2.191.836.998	41.483.913.448	10.921.212.743	3.223.737.999	1.396.240.175	59.216.941.363
Số tăng trong kỳ	-	1.137.556.818	-	-	-	1.137.556.818
- Mua sắm mới	-	1.137.556.818	-	-	-	1.137.556.818
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.191.836.998	42.621.470.266	10.921.212.743	3.223.737.999	1.396.240.175	60.354.498.181
Giá trị đã hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2.010.467.078	23.967.563.503	6.566.451.065	2.108.018.214	281.905.101	34.934.404.961
Số tăng trong kỳ	73.998.867	1.726.355.895	394.486.115	411.132.718	27.479.272	2.633.452.867
- Trích khấu hao	73.998.867	1.726.355.895	394.486.115	411.132.718	27.479.272	2.633.452.867
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.084.465.945	25.693.919.398	6.960.937.180	2.519.150.932	309.384.373	37.567.857.828
Giá trị còn lại						
Đầu kỳ	181.369.920	17.516.349.945	4.354.761.678	1.115.719.785	1.114.335.074	24.282.536.402
Cuối kỳ	107.371.053	16.927.550.868	3.960.275.563	704.587.067	1.086.855.802	22.786.640.353

Trong đó

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 20.391.927.603 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.415.396.525 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	7.645.748.785	7.645.748.785
- Dự án nhà H10 - Thanh Xuân Nam	7.645.748.785	7.645.748.785
	7.645.748.785	7.645.748.785

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	458.286.700	458.286.700
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(458.286.700)	(458.286.700)
	-	-

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		458.286.700		458.286.700
- Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước Vinaconex	45.829	458.286.700	45.829	458.286.700
		458.286.700		458.286.700

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	3.213.626.935	2.972.159.961
Thương hiệu Vinaconex	241.667.000	291.667.000
Chi phí thuê dài hạn văn phòng Công ty	9.917.456.006	10.030.414.502
	13.372.749.941	13.294.241.463

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	48.832.127.499	90.102.006.625
- Vay ngân hàng	17.166.308.232	698.797.611
- Vay tổ chức khác	26.465.819.267	88.903.209.014
- Vay cá nhân	5.200.000.000	500.000.000
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	2.077.160.000	4.154.320.000
	50.909.287.499	94.256.326.625

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Vay Ngân hàng</i>	<i>17.166.308.232</i>	<i>698.797.611</i>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàng Quốc Việt (1)	12.720.699.865	698.797.611
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (2)	683.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thăng Long (3)	3.762.608.367	-
<i>Vay tổ chức khác</i>	<i>24.965.819.267</i>	<i>88.903.209.014</i>
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (4)	23.465.819.267	49.836.209.014
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	-	5.400.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất dịch vụ & TM Phát Linh (5)	1.500.000.000	24.667.000.000
Công ty TNHH Trung Hải (6)	1.500.000.000	-
<i>Vay cá nhân (7)</i>	<i>5.200.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
	48.832.127.499	90.102.006.625

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 66.11.056.22617.TD ngày 15/03/2011, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 18 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ cụ thể tối đa là 09 tháng;
- + Lãi suất cho vay áp dụng trong kỳ là từ 18,7% - 21%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hàng hóa và quyền đòi nợ theo Hợp đồng kinh tế số 0338/2010/HDKT-XD giữa Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam VINACONEX và Công ty CP XD số 12, giá trị hợp đồng là 99.552.461.173 đồng;

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 026.11/HDTD/IL.19 ngày 06/06/2011, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay là 1,5 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày Bên vay rút vốn lần đầu (ngày 13/06/2011);
- + Lãi suất vay: 23%/năm tính từ ngày rút tiền vay;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bao gồm quyền phải thu từ Hợp đồng số 01/HĐ-XL ký ngày 15/04/2011 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 với Ban QLDA Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung tỉnh Ninh Bình và tài sản khác.

(3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 220/2010/04118/HBTD ngày 10/11/2010, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 11 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn giải ngân: đến hết ngày 31/5/2011;
- + Lãi suất cho vay áp dụng trong kỳ là từ 17% - 20,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp theo)**

(4) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 03/2010/TDHM-VC12 ngày 16/04/2010 và phụ lục bổ sung lần 2, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 50 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn duy trì hạn mức đến 16/04/2011; thời hạn vay tối đa là 10 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: bằng tổng chi phí huy động nguồn vốn bằng VND từ bất kỳ nguồn nào mà Bên cho vay có thể lựa chọn một cách hợp lý cộng (+) 3,6%/năm;
- + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Bảo đảm một phần khoản vay bằng thế chấp quyền sử dụng văn phòng tại tầng 19 tòa nhà HH2-2, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

(5) Hợp đồng thỏa thuận vay vốn ngày 16/11/2010 và Phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 16/01/2011, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay tối đa là 25 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: vay vốn đầu tư xây dựng Dự án Tổ hợp dịch vụ, Thương mại, Văn phòng cho thuê và nhà ở tại số 57-Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- + Thời hạn vay là 07 tháng kể từ ngày 16/01/2011;
- + Lãi suất cho vay: 1,25%/tháng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(6) Hợp đồng vay vốn số 10/2011 ngày 14/03/2011 và Phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 14/05/2011, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay 1,5 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 14/05/2011;
- + Lãi suất cho vay: 1,5%/tháng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(7) Gồm các Hợp đồng vay vốn kèm giấy nhận nợ các cá nhân với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay từ 01 đến 03 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 16,5% - 17%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Chi tiết nợ dài hạn hạn đến hạn trả tại thuyết minh số 16 - Vay và nợ dài hạn

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.189.636.293	389.520.783
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.716.346.791	4.530.831.885
Thuế Thu nhập cá nhân	144.317.735	200.042.853
Thuế Tài nguyên	9.845.920	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.256.166	-
	12.070.402.905	5.120.395.521

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Đình Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	461.992.727	209.380.167
Bảo hiểm xã hội	1.220.331.437	1.695.164.921
Bảo hiểm y tế	193.701.418	499.288.746
Bảo hiểm thất nghiệp	105.722.016	198.185.830
Phải trả về cổ phần hoá	37.310.000	37.310.000
Phải trả các đội về thi công các công trình	87.268.014.402	80.082.525.245
Phải trả về lãi vay vốn	968.641.806	518.939.041
Phải trả về phí bảo trì Dự án 57 Vũ Trọng Phụng	1.926.727.959	726.234.816
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.745.400.000	100.000.000
Phải trả, phải nộp khác	444.334.874	492.552.763
	94.372.176.639	84.559.581.529

16 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	5.298.540.000	5.298.540.000
- Vay ngân hàng	5.298.540.000	5.298.540.000
	5.298.540.000	5.298.540.000

Chi tiết các khoản vay dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Vay Ngân hàng</i>	<i>5.298.540.000</i>	<i>5.298.540.000</i>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàng Quốc Việt ⁽¹⁾	1.748.540.000	1.748.540.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Hà Nội ⁽²⁾	1.250.000.000	1.250.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy ⁽³⁾	2.300.000.000	2.300.000.000
	5.298.540.000	5.298.540.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

(1) Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 313.09.056.22617.TD ngày 02/11/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay tối đa là 3.902.780.000 đồng;
- + Mục đích vay: đầu tư mới 01 trạm bê tông 60m³/h, 03 xe chuyển trộn, 01 máy xúc lật nhằm nâng cao năng lực phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn giải ngân đến ngày 31/12/2009; nợ gốc trả theo lịch trả nợ trong hợp đồng;
- + Thời hạn rút vốn: 12 tháng từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên mỗi quý dương lịch một lần theo quy định của Ngân hàng;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay và bảo lãnh vay vốn;
- + Số gốc vay dài hạn phải trả trong 06 tháng cuối năm 2011 là 437.160.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

16 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp theo)****(2) Bao gồm các hợp đồng sau:**

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐTD ngày 20/04/2010, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
 - + Số tiền cho vay tối đa là 2 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: thanh toán tiền mua cầu thép;
 - + Thời hạn rút vốn trong thời hạn 06 tháng; nợ gốc trả theo lịch trả nợ trong hợp đồng;
 - + Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh 03 tháng một lần vào các ngày đầu quý dương lịch;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Công ty; đảm bảo bằng 100% số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty trên tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; đảm bảo bằng toàn bộ doanh thu từ các nguồn hợp pháp khác của Công ty chuyển về tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng, các khoản thu theo các hợp đồng đã ký kết mà Công ty là người thụ hưởng; toàn bộ vốn và tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp khác của Công ty;
 - + Số gốc vay dài hạn phải trả trong 06 tháng cuối năm 2011 là 340.000.000 VNĐ.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2009/HĐTD ngày 20/04/2010, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
 - + Số tiền cho vay tối đa là 661.500.000 đồng;
 - + Mục đích vay: đầu tư máy móc thi công công trình;
 - + Thời hạn rút vốn trong thời hạn 03 tháng; nợ gốc trả theo lịch trả nợ trong phụ lục bổ sung hợp đồng;
 - + Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh 03 tháng một lần vào các ngày đầu quý dương lịch;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Công ty; đảm bảo bằng 100% số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty trên tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; đảm bảo bằng toàn bộ doanh thu từ các nguồn hợp pháp khác của Công ty chuyển về tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng, các khoản thu theo các hợp đồng đã ký kết mà Công ty là người thụ hưởng; toàn bộ vốn và tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp khác của Công ty;
 - + Số gốc vay dài hạn phải trả trong 06 tháng cuối năm 2011 là 100.000.000 VNĐ.

(3) Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐTD ngày 15/03/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay tối đa là 9 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: mua điện tích văn phòng làm việc;
- + Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh 03 tháng một lần theo quy định của Ngân hàng;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay là điện tích văn phòng làm việc tại H10 Thanh Xuân Nam tổng giá trị ước tính là 13.822.195.000 đồng;
- + Số gốc vay dài hạn phải trả trong 06 tháng cuối năm 2011 là 1.200.000.000 VNĐ.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	58.180.000.000	5.450.293.250	6.958.734.939	1.401.524.776	8.942.914.454	80.933.467.419
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7.252.072.723	7.252.072.723
Phân phối lợi nhuận năm 2010 (1)	-	-	3.330.424.613	643.251.445	(8.177.914.454)	(4.204.238.396)
Số dư cuối kỳ	58.180.000.000	5.450.293.250	10.289.159.552	2.044.776.221	8.017.072.723	83.981.301.746

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số Nghị quyết số 230/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 04 năm 2011 tại Công ty mẹ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 02/DHĐCĐ ngày 25 tháng 03 năm 2011 tại Công ty con, công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau

	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 (Công ty mẹ)		Công ty Cổ phần Xây dựng 504-Vinaconex (Công ty con)		Hợp nhất
	Tỷ lệ	Số tiền	PPLN Công ty của con	Trong đó lợi ích của công ty mẹ	
	%	VND	VND	VND	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2010		10.636.240.601	3.738.576.183	1.906.673.853	8.177.914.454
Trong đó phân phối cụ thể:					
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển		2.645.420.301	1.343.145.710	685.004.312	3.330.424.613
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính		529.084.060	223.857.618	114.167.385	643.251.445
- Trích quỹ thưởng HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát		200.000.000	111.928.809	57.083.693	257.083.693
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.916.336.240	559.644.046	285.418.463	2.201.754.703
- Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi CP nhận 1.500 đ)	15%	5.345.400.000	1.500.000.000	765.000.000	1.745.400.000
Trong đó:					
+ Tạm ứng cổ tức đợt 1 trong năm 2010		3.600.000.000			
+ Chi trả cổ tức còn lại trong kỳ		1.745.400.000			

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011	Tỷ lệ	01/01/2011	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của TCty Vinaconex	30.600.000.000	52.60%	30.600.000.000	52.60%
Vốn góp của đối tượng khác	27.580.000.000	47.40%	27.580.000.000	47.40%
	58.180.000.000	100%	58.180.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.180.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	58.180.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	58.180.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.345.400.000	4.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	5.345.400.000	4.500.000.000
Trong đó		
+ Tạm ứng cổ tức	3.600.000.000	-
+ Chi trả cổ tức trong kỳ	1.745.400.000	4.500.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.818.000	5.818.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.818.000	5.818.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.818.000	5.818.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.818.000	5.818.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.289.159.552	6.958.734.939
Quỹ dự phòng tài chính	2.044.776.221	1.401.524.776
	12.333.935.773	8.360.259.715

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	11.384.266.242	11.418.308.509
Doanh thu bất động sản	39.624.803.838	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	225.955.657.533	224.170.728.539
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	225.955.657.533	224.170.728.539
	276.964.727.613	235.589.037.048

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
SỐ 12
TỰ V
CHẾ T
ĐEM TỌI

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	10.770.982.998	10.393.075.363
Giá vốn bất động sản	33.312.937.029	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	210.791.365.597	207.895.996.532
	254.875.285.624	218.289.071.895

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.855.196.452	2.278.310.712
	3.855.196.452	2.278.310.712

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.392.828.177	2.419.514.583
Dự phòng các khoản đầu tư	-	458.286.700
	6.392.828.177	2.877.801.283

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.139.936.773	911.582.273
Chi phí nhân công	5.776.131.592	3.754.186.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	411.132.718	410.891.455
Thuế, phí, lệ phí	174.527.781	222.228.850
Chi phí dự phòng	(717.080.923)	1.310.140.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	947.520.804	1.058.530.065
Chi phí khác bằng tiền	374.787.576	297.978.945
	8.106.956.321	7.965.537.690

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.359.890.010	8.734.936.892
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Chi phí không hợp lệ	84.963.933	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	11.444.853.943	8.734.936.892
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.861.213.486	2.183.734.223
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.861.213.486	2.183.734.223
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ nay	-	98.786
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	4.530.831.885	3.427.184.745
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(675.698.580)	968.308.705
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	6.716.346.791	4.642.709.049

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	7.252.072.723	5.603.107.068
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.252.072.723	5.603.107.068
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.818.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.246	1.868

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

26. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

a). Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Hoạt động xây lắp	Hoạt động SXKD vật liệu xây lắp	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hợp nhất
		VND	VND	VND	VND
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011</i>				
1	Doanh thu thuần trực tiếp cho bên ngoài	225.955.657.533	11.384.266.242	39.624.803.838	276.964.727.613
2	Doanh thu thuần trực tiếp cho các bộ phận khác	-	-	-	-
3	Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	3.003.914.417	1.201.188.900	702.240.967	4.907.344.284
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	6.852.496.396	73.685.424	4.433.708.190	11.359.890.010
5	Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản dài hạn	2.776.998.452	213.545.455	499.412.806	3.489.956.713
	<i>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011</i>				
1	Tài sản bộ phận	552.720.909.067	16.009.580.774	98.671.387.073	667.401.876.914
2	Tài sản không phân bổ	-	-	-	22.125.635.826
	Tổng tài sản	552.720.909.067	16.009.580.774	98.671.387.073	689.527.512.740
1	Nợ phải trả bộ phận	462.057.081.583	24.559.925.349	85.511.564.901	572.128.571.833
2	Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	25.436.521.815
	Tổng nợ phải trả	462.057.081.583	24.559.925.349	85.511.564.901	597.565.093.648

b). Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Địa chỉ: Tầng 19, Nhà HH2-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng
Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.

Người lập

Vũ Nam Hà

Kế toán trưởng

Trịnh Công Hùng

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Hữu Tới

